

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1091/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 08 tháng 7 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Đề án Hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư
cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng khó khăn của các huyện
miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2009 - 2010**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ về Chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2007 - 2010;

Căn cứ Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Danh mục các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn;

Căn cứ Thông tư số 03/2007/TT-UBND ngày 08/6/2007 của Ủy ban Dân tộc về việc Hướng dẫn thực hiện Chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2007 - 2010;

Căn cứ Thông tư số 99/2007/TT-BTC ngày 10/8/2007 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn cơ chế tài chính thực hiện công tác định canh, định cư đối với đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 09/4/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Kế hoạch triển khai xây dựng Dự án định canh, định cư đối với đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2008 - 2010;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Dân tộc tại Tờ trình số 129/TTr-BDT ngày 10/6/2009 về việc đề nghị phê duyệt Đề án Hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số thuộc vùng khó khăn ở các huyện vùng cao tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2009 - 2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án Hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng khó khăn của các huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2009 - 2010 với nội dung như sau:

1. Tên đề án: Hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng khó khăn của các huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2009 - 2010.

2. Phạm vi thực hiện Đề án: Chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số được thực hiện trên địa bàn 50 xã thuộc vùng khó khăn ở 6 huyện vùng cao tỉnh Quảng Ngãi có các hộ dân tộc thiểu số du canh, du cư.

3. Đối tượng áp dụng: Đối tượng thụ hưởng Chính sách theo quy định tại Thông tư số 03/2007/TT-UBDT ngày 08/6/2007 của Ủy ban Dân tộc về việc Hướng dẫn thực hiện Chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2007 - 2010.

4. Mục tiêu của Đề án: Phấn đấu đến cuối năm 2010 cơ bản thực hiện hoàn thành các chính sách theo quy định tại QĐ số 33/TTg; đảm bảo cho 2.168 hộ dân tộc thiểu số không còn tình trạng du canh, du cư, có điều kiện phát triển sản xuất, cải thiện đời sống, sớm thoát nghèo.

5. Khung chính sách hỗ trợ:

- Ngân sách Trung ương đảm bảo hỗ trợ các nội dung sau:

+ *Hỗ trợ đầu tư cho cộng đồng* như: Hỗ trợ đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng thiết yếu đối với điểm ĐCĐC tập trung; Hỗ trợ một khoản kinh phí cho ngân sách xã tiếp nhận các hộ du canh, du cư đến định cư xen ghép đối với điểm ĐCĐC xen ghép; Hỗ trợ cán bộ phát triển cộng đồng tại các điểm ĐCĐC tập trung; Hỗ trợ kinh phí áp dụng khoa học kỹ thuật, giống mới đưa vào sản xuất cho các điểm ĐCĐC tập trung.

+ *Hỗ trợ trực tiếp cho hộ du canh, du cư thực hiện ĐCĐC* như: Đất ở, đất sản xuất, làm nhà, mắc điện sinh hoạt, nước sinh hoạt, di chuyển từ nơi ở cũ đến nơi ĐCĐC, đối với hộ thực hiện ĐCĐC xen ghép được hỗ trợ kinh phí để tạo nền nhà.

- Ngân sách tỉnh đảm bảo các khoản:

+ *Chi phí đo đạc, cấp giấy CNQSD đất cho hộ.*

+ *Chi phí quản lý, kiểm tra, giám sát... thực hiện Chính sách.*

6. Quy mô Đề án:

a) *Hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư* cho 2.168 hộ với 8.604 khẩu; đầu tư xây dựng 28 điểm ĐCĐC tập trung và 70 điểm ĐCĐC xen ghép; trong đó:

- 1.338 hộ với 5.355 khẩu thụ hưởng theo hình thức tổ chức ĐCĐC tập trung.

- 830 hộ với 3.249 khẩu thụ hưởng theo hình thức tổ chức ĐCĐC xen ghép.

b) *Tổng kinh phí đầu tư cho Đề án:* 223.778,86 triệu đồng; trong đó:

b.1- Đầu tư cho các điểm ĐCĐC tập trung: 192.026,46 triệu đồng; bao gồm:

- Bồi thường, GPMB để tạo quỹ đất ở: 6.299,75 triệu đồng.

- Bồi thường, GPMB để tạo quỹ đất sản xuất: 7.758,41 triệu đồng.

- San gạt đất ở (tạo nền nhà): 12.870,00 triệu đồng.

- Khai hoang tạo quỹ đất sản xuất: 6.183,45 triệu đồng.

- Xây dựng đường giao thông: 28.324,00 triệu đồng.

- Xây dựng công trình điện sinh hoạt: 42.312,00 triệu đồng.

- Xây dựng công trình thủy lợi nhỏ: 13.033,25 triệu đồng.

- Xây dựng công trình nước SHTT: 11.501,60 triệu đồng.

- Xây dựng lớp học, nhà mẫu giáo, trang bị bàn ghế học tập, điện, nước sinh hoạt, phòng ở giáo viên: 15.245,80 triệu đồng.

- Xây dựng Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn, bản: 11.351,00 triệu đồng.

- Xây dựng một số công trình thiết yếu khác: 7.098,88 triệu đồng.
- Hỗ trợ bình quân 15 triệu đồng/hộ để làm nhà, sản xuất, mua lương thực 6 tháng đầu tính từ khi về ở điểm ĐCĐC: 20.070,00 triệu đồng.
- Hỗ trợ cán bộ (Y tế, K/nông) phát triển cộng đồng: 2.657,30 triệu đồng.
- Hỗ trợ áp dụng khoa học kỹ thuật, giống mới: 2.520,00 triệu đồng.
- Hỗ trợ di chuyển từ nơi ở cũ đến nơi ở mới: 4.311,10 triệu đồng.
- Chi phí đo đạc, cấp giấy chứng nhận QSDĐ: 489,92 triệu đồng.
- b.2- Đầu tư cho các điểm ĐCĐC xen ghép: 31.552,40 triệu đồng; bao gồm:
 - Hỗ trợ cho ngân sách xã với mức 20 triệu đồng/hộ: 16.600,0 triệu đồng.
 - Hỗ trợ bình quân 15 triệu đồng/hộ để làm nhà, sản xuất, mua lương thực 6 tháng đầu tính từ khi về ở điểm ĐCĐC: 12.450,00 triệu đồng.
 - Hỗ trợ 1 triệu đồng/hộ để tạo nền nhà: 830,00 triệu đồng.
 - Hỗ trợ di chuyển từ nơi ở cũ đến nơi ở mới: 1.411,20 triệu đồng.
 - Chi phí đo đạc, cấp giấy chứng nhận QSDĐ: 261,20 triệu đồng.
- b.3- Chi phí quản lý, kiểm tra, giám sát...thực hiện Chính sách: 200,0 tr.đồng.
- c) Nguồn vốn đầu tư hỗ trợ:
 - Ngân sách Trung ương: 222.827,74 triệu đồng.
 - Ngân sách tỉnh : 951,12 triệu đồng.
- d) Phân kỳ vốn đầu tư:
 - Năm 2009: 95.753,58 triệu đồng.
 - Năm 2010: 128.025,28 triệu đồng.

7. Thời gian thực hiện Đề án: Từ năm 2009 đến năm 2010.
(Chi tiết có Đề án kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Trưởng Ban Dân tộc; Giám đốc các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Thông tin và Truyền thông; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Giám đốc Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện: Trà Bồng, Tây Trà, Sơn Hà, Sơn Tây, Minh Long, Ba Tơ và Thủ trưởng các Sở, Ban ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Xuân Huế

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐỀ ÁN

Hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng khó khăn của các huyện tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2009 - 2010

*(Kèm theo Quyết định số: 1091/QĐ-UBND ngày 08/7/2009
của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)*

I- SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Cơ sở pháp lý để xây dựng Đề án:

- Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ về Chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2007 - 2010;
- Thông tư số 03/2007/TT-UBND ngày 08/6/2007 của Ủy ban Dân tộc về việc Hướng dẫn thực hiện Chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2007 - 2010;
- Thông tư số 99/2007/TT-BTC ngày 10/8/2007 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn cơ chế tài chính thực hiện công tác định canh, định cư đối với đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ;
- Quyết định số 295/QĐ-UBND ngày 28/02/2008 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội miền núi tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2010;
- Quyết định số 54/QĐ-UBND ngày 22/9/2006 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành quy định hạn mức giao đất để xây dựng nhà ở và hạn mức công nhận diện tích đất ở đối với hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;
- Quyết định số 134/QĐ-UBND ngày 22/01/2009 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc điều chỉnh đơn giá đo lường địa chính, đo bản đồ địa chính, số hoá bản đồ địa chính, trích đo thửa đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

2. Cơ sở thực tiễn của việc xây dựng Đề án:

Những xã thuộc vùng khó khăn trên 6 huyện miền núi trong tỉnh là nơi cư trú chủ yếu của đồng bào dân tộc thiểu số Hre, Cor, Cadong; các dân tộc anh em có những phong tục tập quán riêng về đời sống, sản xuất, tạo ra bản sắc văn hoá độc đáo riêng. Những năm qua, Đảng và Nhà nước có nhiều Chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Nhờ đó, kinh tế - xã hội trên vùng đã có bước phát triển đáng kể. Một bộ phận không nhỏ đồng bào dân tộc thiểu số du canh, du cư và định cư, du canh đã hoàn thành ĐCĐC; những vấn đề bức xúc về sản xuất và đời sống được giải quyết đã đi vào ổn định, góp phần vào mục tiêu xoá đói, giảm nghèo, bảo

vệ rừng, bảo vệ môi trường sinh thái và giữ vững an ninh - chính trị, trật tự - an toàn xã hội trên các huyện vùng cao trong tỉnh. Tuy nhiên, công tác ĐCĐC còn nhiều hạn chế thể hiện ở một số điểm: nguồn lực hỗ trợ chưa sát với thực tế, có những Dự án hỗ trợ chưa thật sự xuất phát từ nhu cầu thực tế, nguồn vốn dàn trải và kém hiệu quả; trong số các hộ đã hoàn thành ĐCĐC vẫn còn một số hộ chất lượng hoàn thành chưa thật vững chắc, khi gặp rủi ro không khắc phục được nên dễ tái du canh, du cư. Diện tiếp tục vận động thực hiện ĐCĐC vẫn còn nhiều, phần lớn phân tán ở vùng sâu, vùng xa.

Hiện tại, vùng miền núi có tỷ lệ đói nghèo cao, đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số phát triển chưa bền vững, có nhiều nguy cơ tụt hậu tác động đến đời sống vốn đang còn khó khăn nhiều mặt. Một bộ phận cư dân thưa thớt đang sinh sống ở những vùng sâu, xa tách biệt, rải rác thành các nhóm nhỏ, xa các điểm dân cư tập trung là nhóm đối tượng nghèo nhất, khó khăn nhất vẫn chưa được hưởng lợi nhiều từ các chính sách, Chương trình kinh tế - xã hội của Nhà nước. Đó là nhóm đối tượng trình độ dân trí thấp kém, tập quán sản xuất lạc hậu, sống theo kiểu du canh, du cư phát rừng làm rẫy, cư trú phân tán không ổn định vẫn còn tiếp diễn; nguyên nhân chính là chưa tạo được địa bàn sinh sống ổn định vì cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội yếu kém, chưa bảo đảm đất đai đủ để sản xuất, thiếu nước cho sản xuất và sinh hoạt, nhiều vấn đề xã hội bức xúc chưa được giải quyết một cách cơ bản, dẫn đến hậu quả là đời sống của đồng bào ngày càng khó khăn và còn ảnh hưởng nghiêm trọng đến suy thoái đất canh tác, bảo vệ môi trường và sự phát triển ở vùng cao, miền núi.

Qua điều tra, khảo sát thực tế và đặc điểm, điều kiện cụ thể của từng đối tượng, địa bàn cho thấy: 2.168 hộ với 8.604 khẩu dân tộc thiểu số có nhu cầu hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư, trong đó: có 1.338 hộ với 5.355 khẩu thụ hưởng theo hình thức tổ chức ĐCĐC tập trung và 830 hộ với 3.249 khẩu thụ hưởng theo hình thức tổ chức ĐCĐC xen ghép trên địa bàn 50 xã thuộc vùng khó khăn ở 6 huyện vùng cao trong tỉnh (xem chi tiết ở phụ lục 1).

Với các cơ sở trên, việc xây dựng và triển khai thực hiện ***Đề án Hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số thuộc vùng khó khăn ở các huyện vùng cao tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2009 - 2010*** (sau đây gọi tắt là Đề án) là sự cần thiết, có tác dụng thiết thực.

II- ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN:

1. Đối tượng thụ hưởng Đề án:

Hộ đồng bào dân tộc thiểu số du canh, du cư có đủ ba tiêu chí sau:

- Không có đất sản xuất ổn định thuộc quyền sử dụng của hộ theo quy định của Nhà nước;

- Nơi ở không ổn định, di chuyển chỗ ở theo nương rẫy hoặc đang sinh sống tách biệt, rải rác thành các nhóm nhỏ, xa các điểm dân cư tập trung, thiếu cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ đời sống và sinh hoạt (đường giao thông, điện, nước ...);

- Chưa được hưởng các Chính sách hỗ trợ tương tự của Nhà nước theo Quyết định số 190/2003/QĐ-TTg ngày 16/9/2003, Quyết định số 120/QĐ-TTg ngày

11/6/2003, Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg ngày 20/7/2004, Quyết định số 193/2006/QĐ-TTg ngày 24/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ hoặc đã được hưởng nhưng chưa đảm bảo các điều kiện về đất ở, đất sản xuất (theo mức tối thiểu quy định tại Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg).

2. Phạm vi thực hiện của Đề án:

Đề án được triển khai thực hiện trên địa bàn 50 xã thuộc vùng khó khăn ở 6 huyện vùng cao tỉnh Quảng Ngãi có các hộ dân tộc thiểu số du canh, du cư.

III- NỘI DUNG CỦA ĐỀ ÁN:

1. Mục tiêu:

a) Mục tiêu chung:

Chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số nhằm tạo điều kiện cho hộ đồng bào còn du canh, du cư có nơi ở ổn định, có đủ điều kiện phát triển sản xuất, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, xoá đói, giảm nghèo; góp phần bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường sinh thái và giữ vững an ninh - chính trị, trật tự - an toàn xã hội trên các huyện vùng cao trong tỉnh.

b) Mục tiêu cụ thể:

Phấn đấu đến cuối năm 2010 cơ bản thực hiện hoàn thành 28 điểm ĐCĐC tập trung, 70 điểm ĐCĐC xen ghép trên địa bàn 50 xã thực hiện Đề án có đủ các công trình hạ tầng thiết yếu, nhà ở, đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt ... theo quy định tại QĐ số 33/TTg; đảm bảo cho 2.168 hộ dân tộc thiểu số không còn tình trạng du canh, du cư, có điều kiện phát triển sản xuất, cải thiện đời sống, sớm thoát nghèo.

2. Yêu cầu:

- Phải huy động cả hệ thống chính trị tham gia tốt công tác tuyên truyền vận động, phổ biến chính sách, pháp luật đối với các hộ đồng bào dân tộc thiểu số du canh, du cư về sinh sống tại các điểm ĐCĐC (nơi ở mới) và cả các hộ dân có liên quan ở tại nơi đi và nơi đến bằng nhiều hình thức để mọi người dân hiểu và tự giác chấp hành, đồng thời giúp đỡ các hộ thực hiện ĐCĐC tháo dỡ, vận chuyển, xây dựng nhà ở... sớm tạo nên sự hoà đồng giữa các hộ đến ĐCĐC với nhân dân sở tại.

- Phải chủ động triển khai sớm công tác rà soát, xác định chính xác số hộ, số nhân khẩu sẽ tổ chức về điểm ĐCĐC, diện tích đất và số lượng tài sản (*cây cối, hoa màu... trên đất*) phải đền bù; lập, thẩm định và phê duyệt Dự án ĐCĐC trước ngày thi công Dự án để xây dựng và thực hiện việc hỗ trợ một số chính sách được thống nhất.

- Các điểm ĐCĐC tập trung phải được xây dựng xong mặt bằng và cơ sở hạ tầng thiết yếu (*điện, đường, nước sinh hoạt, đất sản xuất...*) trước khi đưa các hộ du canh, du cư đến, đảm bảo nơi ở mới có điều kiện tốt hơn nơi ở cũ.

- Việc lập, thẩm định, phê duyệt dự toán bồi thường và mức hỗ trợ một số chính sách phải được thực hiện nhanh chóng. Giải quyết kịp thời, thoả đáng những thắc mắc, kiến nghị của các hộ, khắc phục những thiếu sót để các hộ yên tâm di chuyển đến nơi ở mới, có điều kiện sớm ổn định đời sống và sản xuất.

- Xây dựng bộ máy quản lý Dự án định canh, định cư đủ mạnh ngay từ khi triển khai Dự án, tạo sự ổn định về tổ chức, nhân sự và kiện toàn kịp thời để đủ khả năng thực hiện nhiệm vụ.

3. Nguyên tắc và điều kiện chọn địa điểm định canh, định cư:

a) Nguyên tắc chọn địa điểm:

- Chọn điểm định canh, định cư tập trung hay xen ghép phải đảm bảo khi di dời hộ dân đến chủ yếu là dân xã nào tái định canh, định cư ở xã đó, thậm chí di dời trong nội bộ các thôn để phù hợp với truyền thống văn hoá và ngành nghề của người dân nhằm không làm thay đổi lớn trong đời sống sinh hoạt và tập quán sản xuất, tạo thuận lợi cho một số hộ đồng bào tiếp tục sản xuất trên ruộng đất cũ của họ, ngoại lệ mới chuyển tái định canh, định cư đến các xã lân cận.

- Địa điểm phải gần các khu dân cư, đảm bảo môi trường trong sạch, không có nguy cơ ảnh hưởng bởi thiên tai trong tương lai và kết hợp tái định cư với tái định canh.

- Phải được nghiên cứu kỹ về tiêu chuẩn (*phong tục, tập quán, truyền thống*) chọn địa điểm cư trú (*điểm xây dựng làng*) của từng dân tộc; gắn kết hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật trong vùng mà đã, đang, sẽ đầu tư xây dựng đến và sau năm 2010, đồng thời kết hợp với những yêu cầu mới do cuộc sống đặt ra.

b) Điều kiện chọn địa điểm:

- Điểm định canh, định cư tập trung hay xen ghép phải thuận lợi cho việc bố trí, sắp xếp dân cư và phải lập các thủ tục theo đúng quy định hiện hành. Quy mô của một điểm ĐCĐC tập trung phải đảm bảo có ít nhất 45 hộ trở lên; trường hợp đặc biệt, quá trình điều tra khảo sát điểm ĐCĐC tập trung dưới 45 hộ mà có nhiều thuận lợi, phù hợp với điều kiện, đặc điểm của địa phương nhằm hướng đến các lợi ích chung của cộng đồng cả về mặt kinh tế, xã hội và an ninh quốc phòng rất lớn, thì cần thiết phải bố trí tổ chức cho các hộ về sinh sống để thực hiện Chính sách có hiệu quả cao.

- Phải đủ các điều kiện như: Diện tích, địa hình, địa chất, nguồn nước để bố trí khu ở, các công trình công cộng, phúc lợi và phát triển sau này; đồng thời phải được xác định gắn liền với việc xác định khu định canh, đảm bảo khu tái định canh không quá xa khu tái định cư.

- Điểm ĐCĐC phải phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội của địa phương, mà trọng tâm là quy hoạch sản xuất nông lâm nghiệp, coi việc bố trí đất sản xuất nông lâm nghiệp cho hộ nông dân là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu đảm bảo đời sống của nhân dân sau khi định cư tốt hơn nơi ở cũ. Do đó, phải có đủ đất sản xuất, đủ nguồn nước tự chảy để phát triển nông nghiệp.

4. Lựa chọn hình thức đầu tư và bố trí các điểm định canh, định cư:

a) Lựa chọn hình thức đầu tư:

Dựa trên nguyên tắc và điều kiện chọn địa điểm ĐCĐC đã nêu ở phần trên, kết hợp điều kiện thực tế và nguyện vọng của các hộ gia đình đã được sự thống nhất của lãnh đạo xã, huyện: Đối với các điểm định canh, định cư tập trung được lựa chọn theo hình thức đầu tư xây dựng mới.

b) Bố trí các điểm định canh, định cư:

Những điểm ĐCĐC tập trung và ĐCĐC xen ghép được bố trí ở một số thôn trên địa bàn 50 xã thuộc Đề án (chi tiết các địa điểm ĐCĐC tại Phụ lục 2).

*** Bảng tổng hợp các hình thức tổ chức ĐCĐC giai đoạn 2009 - 2010:**

T T	Huyện	Tổng số điểm ĐC ĐC	Tổng số hộ	Tổng số khẩu	Trong đó					
					Định canh, định cư tập trung			Định canh, định cư xen ghép		
					Số điểm	Số hộ	Số khẩu	Số điểm	Số hộ	Số khẩu
1	Ba Tơ	21	353	1.579	5	248	992	16	105	587
2	Sơn Hà	21	657	2.316	5	277	935	16	380	1.381
3	Trà Bồng	8	210	1.004	4	190	930	4	20	74
4	Tây Trà	21	450	1.977	8	311	1.347	13	139	630
5	Minh Long	13	145	483	2	90	318	11	55	165
6	Sơn Tây	14	353	1.245	4	222	833	10	131	412
Tổng cộng:		98	2.168	8.604	28	1.338	5.355	70	830	3.249

5. Kế hoạch hỗ trợ các hình thức ĐCĐC cho từng huyện năm 2009:

T T	HUYỆN	Tổng số điểm ĐC ĐC	Tổng số hộ	Tổng số khẩu	Trong đó					
					Định canh, định cư tập trung			Định canh, định cư xen ghép		
					Số điểm	Số hộ	Số khẩu	Số điểm	Số hộ	Số khẩu
1	Ba Tơ	10	166	675	2	97	388	8	69	287
2	Sơn Hà	8	312	1.086	2	130	404	6	182	682
3	Trà Bồng	6	150	707	3	136	657	3	14	50
4	Tây Trà	6	144	622	2	96	177	4	48	224
5	Minh Long	11	86	296	1	45	171	10	41	125
6	Sơn Tây	6	163	551	2	114	400	4	49	151
Tổng cộng:		47	1.021	3.937	12	618	2.418	35	403	1.519

(Chi tiết các điểm ĐCĐC tại Phụ lục 3 và 4 kèm theo).

6. Kế hoạch hỗ trợ các hình thức ĐCĐC cho từng huyện năm 2010:

T T	TÊN HUYỆN	Tổng số điểm ĐC ĐC	Tổng số hộ	Tổng số khẩu	Trong đó					
					Định canh, định cư tập trung			Định canh, định cư xen ghép		
					Số điểm	Số hộ	Số khẩu	Số điểm	Số hộ	Số khẩu
1	Ba Tơ	11	187	904	3	151	604	8	36	300
2	Sơn Hà	13	345	1.398	3	147	531	10	198	699
3	Trà Bồng	2	60	297	1	54	273	1	6	24

4	Tây Trà	15	306	1.355	6	215	949	9	91	406
5	Minh Long	2	59	187	1	45	147	1	14	40
6	Sơn Tây	8	190	694	2	108	433	6	82	261
Tổng cộng:		51	1.147	4.328	16	720	2.937	35	427	1.730

(Chi tiết các điểm ĐCĐC tại Phụ lục 3 và 4 kèm theo).

7. Khái toán tổng nhu cầu vốn đầu tư cho Đề án:

Tổng nhu cầu vốn cho Đề án: 223.778,86 triệu đồng; trong đó:

a) Đầu tư cho các điểm ĐCĐC tập trung: 192.026,46 triệu đồng; bao gồm:

- Bồi thường, GPMB để tạo quỹ đất ở: 6.299,75 triệu đồng.
- Bồi thường, GPMB để tạo quỹ đất sản xuất: 7.758,41 triệu đồng.
- San gạt đất ở (tạo nền nhà): 12.870,00 triệu đồng.
- Khai hoang tạo quỹ đất sản xuất: 6.183,45 triệu đồng.
- Xây dựng đường giao thông: 28.324,00 triệu đồng.
- Xây dựng công trình điện sinh hoạt: 42.312,00 triệu đồng.
- Xây dựng công trình thủy lợi nhỏ: 13.033,25 triệu đồng.
- Xây dựng công trình nước SHTT: 11.501,60 triệu đồng.
- Xây dựng lớp học, nhà mẫu giáo, trang bị bàn ghế học tập, điện, nước sinh hoạt, phòng ở giáo viên: 15.245,80 triệu đồng.
- Xây dựng Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn, bản: 11.351,00 triệu đồng.
- Xây dựng một số công trình thiết yếu khác: 7.098,88 triệu đồng.
- Hỗ trợ bình quân 15 triệu đồng/hộ để làm nhà, sản xuất, mua lương thực 6 tháng đầu tính từ khi về ở điểm ĐCĐC: 20.070,00 triệu đồng.
- Hỗ trợ cán bộ (Y tế, K/nông) phát triển cộng đồng: 2.657,30 triệu đồng.
- Hỗ trợ áp dụng khoa học kỹ thuật, giống mới: 2.520,00 triệu đồng.
- Hỗ trợ di chuyển từ nơi ở cũ đến nơi ở mới: 4.311,10 triệu đồng.
- Chi phí đo đạc, cấp giấy chứng nhận QSDĐ: 489,92 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục 3 và 5 kèm theo).

b) Đầu tư cho các điểm ĐCĐC xen ghép: 31.552,40 triệu đồng; bao gồm:

- Hỗ trợ cho ngân sách xã với mức 20 triệu đồng/hộ: 16.600,0 triệu đồng.
- Hỗ trợ bình quân 15 triệu đồng/hộ để làm nhà, sản xuất, mua lương thực 6 tháng đầu tính từ khi về ở điểm ĐCĐC: 12.450,00 triệu đồng.
- Hỗ trợ 1 triệu đồng/hộ để tạo nền nhà: 830,00 triệu đồng.
- Hỗ trợ di chuyển từ nơi ở cũ đến nơi ở mới: 1.411,20 triệu đồng.
- Chi phí đo đạc, cấp giấy chứng nhận QSDĐ: 261,20 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục 4 và 5 kèm theo).

c) Chi phí quản lý, kiểm tra, giám sát ... thực hiện Chính sách: 200,00 triệu đồng (Chi tiết tại Phụ lục 5 kèm theo).

Việc xác định mức kinh phí cho từng nội dung công việc trên đây là số khái toán, sẽ có thể thay đổi, nhất là công tác giải phóng mặt bằng... Vì vậy, tổng vốn thực hiện Đề án sẽ được xác định cụ thể, phù hợp với từng nội dung công việc trong quá trình triển khai lập, thẩm định và phê duyệt Dự án đầu tư cho từng điểm định canh, định cư.

8. Nguồn vốn đầu tư:

Tổng nhu cầu vốn đầu tư hỗ trợ: 223.778,86 triệu đồng; trong đó:

a) Ngân sách Trung ương: 222.827,74 triệu đồng, chiếm 99,57% so với tổng nhu cầu vốn của Đề án; bao gồm:

- Bồi thường, GPMB để tạo quỹ đất ở: 6.299,75 triệu đồng.
- Bồi thường, GPMB để tạo quỹ đất sản xuất: 7.758,41 triệu đồng.
- San gạt đất ở (tạo nền nhà): 12.870,00 triệu đồng.
- Khai hoang tạo quỹ đất sản xuất: 6.183,45 triệu đồng.
- Xây dựng đường giao thông: 28.324,00 triệu đồng.
- Xây dựng công trình điện sinh hoạt: 42.312,00 triệu đồng.
- Xây dựng công trình thủy lợi nhỏ: 13.033,25 triệu đồng.
- Xây dựng công trình nước SHTT: 11.501,60 triệu đồng.
- Xây dựng lớp học, nhà mẫu giáo, trang bị bàn ghế học tập, điện, nước sinh hoạt, phòng ở giáo viên: 15.245,80 triệu đồng.
- Xây dựng Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn, bản: 11.351,00 triệu đồng.
- Xây dựng một số công trình thiết yếu khác: 7.098,88 triệu đồng.
- Hỗ trợ bình quân 15 triệu đồng/hộ để làm nhà, sản xuất, mua lương thực 6 tháng đầu tính từ khi về ở điểm ĐCĐC: 32.520,00 triệu đồng.
- Hỗ trợ cán bộ (Y tế, K/nông) phát triển cộng đồng: 2.657,30 triệu đồng.
- Hỗ trợ áp dụng khoa học kỹ thuật, giống mới: 2.520,00 triệu đồng.
- Hỗ trợ cho ngân sách xã với mức 20 triệu đồng/hộ: 16.600,00 triệu đồng.
- Hỗ trợ 1 triệu đồng/hộ để tạo nền nhà: 830,00 triệu đồng.
- Hỗ trợ di chuyển từ nơi ở cũ đến nơi ở mới: 5.722,30 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục 3 và 4 kèm theo).

b) Ngân sách tỉnh: 951,12 triệu đồng, chiếm 0,43% so với tổng nhu cầu vốn của Đề án; bao gồm:

- **Chi phí do đặc, cấp giấy chứng nhận QSDĐ: 751,12 triệu đồng.**
- Chi phí quản lý, kiểm tra, giám sát... thực hiện Chính sách: 200,0 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục 5 kèm theo).

9. Phân kỳ vốn đầu tư thực hiện ĐCĐC giai đoạn 2009 - 2010:**a) Kế hoạch phân bổ vốn thực hiện các hình thức ĐCĐC năm 2009:****Tổng kinh phí: 95.753,58 triệu đồng; trong đó:*****a.1- Vốn thực hiện các điểm ĐCĐC tập trung: 80.572,58 triệu đồng; bao gồm:***

- Bồi thường, GPMB để tạo quỹ đất ở: 2.369,02 triệu đồng.
- Bồi thường, GPMB để tạo quỹ đất sản xuất: 2.926,20 triệu đồng.
- San gạt đất ở (tạo nền nhà): 5.685,00 triệu đồng.
- Khai hoang tạo quỹ đất sản xuất: 2.250,20 triệu đồng.
- Xây dựng đường giao thông: 12.825,00 triệu đồng.
- Xây dựng công trình điện sinh hoạt: 17.410,00 triệu đồng.
- Xây dựng công trình thủy lợi nhỏ: 5.459,00 triệu đồng.
- Xây dựng công trình nước SHTT: 4.091,00 triệu đồng.
- Xây dựng lớp học, nhà mẫu giáo, trang bị bàn ghế học tập, điện, nước sinh hoạt, phòng ở giáo viên: 6.415,00 triệu đồng.
- Xây dựng Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn, bản: 4.061,00 triệu đồng.
- Xây dựng một số công trình thiết yếu khác: 3.438,44 triệu đồng.
- Hỗ trợ bình quân 15 triệu đồng/hộ để làm nhà, sản xuất, mua lương thực 6 tháng đầu tính từ khi về ở điểm ĐCĐC: 9.270,00 triệu đồng.
- Hỗ trợ cán bộ (Y tế, K/nông) phát triển cộng đồng: 1.149,20 triệu đồng.
- Hỗ trợ áp dụng khoa học kỹ thuật, giống mới: 1.080,00 triệu đồng.
- Hỗ trợ di chuyển từ nơi ở cũ đến nơi ở mới: 1.919,10 triệu đồng.
- Chi phí đo đạc, cấp giấy chứng nhận QSDĐ: 224,42 triệu đồng.
(Chi tiết tại Phụ lục 3 và 5 kèm theo).

a.2- Vốn thực hiện các điểm ĐCĐC xen ghép: 15.081,00 triệu đồng; bao gồm:

- Hỗ trợ cho ngân sách xã với mức 20 triệu đồng/hộ: 8.060,00 triệu đồng.
- Hỗ trợ bình quân 15 triệu đồng/hộ để làm nhà, sản xuất, mua lương thực 6 tháng đầu tính từ khi về ở điểm ĐCĐC: 6.045,00 triệu đồng.
- Hỗ trợ (1 triệu đồng/hộ) để tạo nền nhà: 403,00 triệu đồng.
- Hỗ trợ di chuyển từ nơi ở cũ đến nơi ở mới: 447,68 triệu đồng.
- Chi phí đo đạc, cấp giấy chứng nhận QSDĐ: 125,32 triệu đồng.
(Chi tiết tại Phụ lục 4 và 5 kèm theo).

a.3- Chi phí quản lý, kiểm tra, giám sát...: 100,00 triệu đồng (Chi tiết tại Phụ lục 5).**b) Kế hoạch phân bổ vốn thực hiện các hình thức ĐCĐC năm 2010:****Tổng kinh phí: 128.025,28 triệu đồng; trong đó:**

b.1- Vốn thực hiện các điểm ĐCĐC tập trung: 111.453,88 triệu đồng; bao gồm:

- Bồi thường, GPMB để tạo quỹ đất ở: 3.930,73 triệu đồng.
- Bồi thường, GPMB để tạo quỹ đất sản xuất: 4.832,21 triệu đồng.
- San gạt đất ở (tạo nền nhà): 7.185,00 triệu đồng.
- Khai hoang tạo quỹ đất sản xuất: 3.933,25 triệu đồng.
- Xây dựng đường giao thông: 15.499,00 triệu đồng.
- Xây dựng công trình điện sinh hoạt: 24.902,00 triệu đồng.
- Xây dựng công trình thủy lợi nhỏ: 7.574,25 triệu đồng.
- Xây dựng công trình nước SHTT: 7.410,60 triệu đồng.
- Xây dựng lớp học, nhà mẫu giáo, trang bị bàn ghế học tập, điện, nước sinh hoạt, phòng ở giáo viên: 8.830,80 triệu đồng.
- Xây dựng Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn, bản: 7.290,00 triệu đồng.
- Xây dựng một số công trình thiết yếu khác: 3.660,44 triệu đồng.
- Hỗ trợ bình quân 15 triệu đồng/hộ để làm nhà, sản xuất, mua lương thực 6 tháng đầu tính từ khi về ở điểm ĐCĐC: 10.800,00 triệu đồng.
- Hỗ trợ cán bộ (Y tế, K/nông) phát triển cộng đồng: 1.508,10 triệu đồng.
- Hỗ trợ áp dụng khoa học kỹ thuật, giống mới: 1.440,00 triệu đồng.
- Hỗ trợ di chuyển từ nơi ở cũ đến nơi ở mới: 2.392,00 triệu đồng.
- Chi phí đo đạc, cấp giấy chứng nhận QSDĐ: 265,50 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục 3 và 5 kèm theo).

b.2- Vốn thực hiện các điểm ĐCĐC xen ghép: 16.471,40 triệu đồng; bao gồm:

- Hỗ trợ cho ngân sách xã với mức 20 triệu đồng/hộ: 8.540,00 triệu đồng
- Hỗ trợ bình quân 15 triệu đồng/hộ để làm nhà, sản xuất, mua lương thực 6 tháng đầu tính từ khi về ở điểm ĐCĐC: 6.405,00 triệu đồng.
- Hỗ trợ (1 triệu đồng/hộ) để tạo nền nhà: 427,00 triệu đồng.
- Hỗ trợ di chuyển từ nơi ở cũ đến nơi ở mới: 963,52 triệu đồng.
- Chi phí đo đạc, cấp giấy chứng nhận QSDĐ: 135,88 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục 4 và 5 kèm theo).

b.3- Chi phí quản lý, kiểm tra, giám sát...: 100,00 triệu đồng (Chi tiết tại Phụ lục 5).

10. Các giải pháp thực hiện Đề án:

a) Giải pháp về địa điểm định canh, định cư:

Trước hết, chọn điểm ĐCĐC ở thôn, xã trọng điểm để đảm bảo đầu tư đúng vào nơi khó khăn nhất, thể hiện sự công bằng, đoàn kết các dân tộc anh em trong

vùng; đồng thời chọn địa bàn bố trí khu tái định cư cần phải tận dụng địa hình để khu dân cư được bố trí linh hoạt nhằm phù hợp với tập quán, truyền thống và sự phát triển trong tương lai.

Bố trí khu tái định cư trên cơ sở ưu tiên khai thác, sử dụng quỹ đất chưa sử dụng, đất sản xuất kém hiệu quả do địa phương quản lý hoặc của các tổ chức, các Công ty Lâm nghiệp, hạn chế đến mức thấp nhất việc lấy đất đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất canh tác của người dân để bố trí đất ở.

Trường hợp quy hoạch bố trí địa điểm tái định cư mà có nhiều thuận lợi cho việc đi lại, gần các khu dân cư, có điều kiện để đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội trên đất đã cấp giấy CNQSD đất của người dân thì việc lấy đất của dân để bố trí đất ở phải được sự đồng ý, chấp thuận của người dân và phải có các biện pháp đền bù, thu hồi đất theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Giải pháp về chính sách bồi thường, giải phóng mặt bằng để tạo quỹ đất ở, đất sản xuất:

- Đối với diện tích đất đã cấp giấy CNQSD đất cho người dân: Nhà nước tiến hành bồi thường đất và cây cối, hoa màu trên đất, mức giá bồi thường được thực hiện theo đúng các quy định hiện hành ở từng thời điểm cụ thể. Trường hợp chính quyền địa phương có thể bố trí quỹ đất sản xuất tại địa điểm khác cho người bị mất đất để đảm bảo được đời sống và sản xuất của họ thì tùy theo phân vùng đất và hiện trạng sử dụng đất sẽ tiến hành đền bù một cách hợp lý theo hướng đảm bảo được quyền lợi của người được đền bù theo đúng pháp luật.

- Đối với đất chưa sử dụng hoặc trong trường hợp cần thiết phải thu hồi để xây dựng điểm ĐCĐC thì các cấp, các ngành có thẩm quyền có biện pháp thu hồi đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất để giao cho các hộ gia đình thuộc đối tượng của Đề án theo nội dung của Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg. Trong trường hợp này vẫn phải bồi thường cây cối, hoa màu... trên đất cho người dân theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

c) Giải pháp về chính sách đất ở, đất sản xuất:

Động viên, khuyến khích các hộ dân chuyển nhượng, chuyển đổi đất ở, đất sản xuất hoặc trong trường hợp số hộ đang ở và sản xuất ngay tại điểm tổ chức ĐCĐC có thể thu hồi và bố trí lại diện tích đất ở, đất sản xuất theo quy hoạch của Dự án được duyệt; lập thủ tục thu hồi diện tích đất công theo quy hoạch, đất cho thuê, mượn hoặc cho mượn, đất từ các doanh nghiệp sản xuất không hiệu quả hoặc sử dụng sai mục đích, đất từ các cá nhân chiếm dụng hoặc cấp đất trái phép để cấp cho các hộ dân tộc thiểu số du canh, du cư thực hiện định canh, định cư.

Căn cứ quỹ đất của từng địa phương, lao động có khả năng và số nhân khẩu của từng hộ thuộc diện thực hiện ĐCĐC, tiến hành san gạt đất ở, khai hoang tạo đất sản xuất để giải quyết cho những hộ đến điểm ĐCĐC; diện tích giao đất ở, đất sản xuất theo mức quy định tại Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg ngày 20/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ, quy định hướng dẫn thực hiện của các Bộ, ngành Trung ương và

của tỉnh; đồng thời triển khai việc giao quyền sử dụng đất cho hộ dân, kể cả số hộ đang cư trú sau khi được chuyển nhượng hoặc chuyển đổi đất.

Việc quy hoạch phải dựa vào địa hình, hiện trạng đất, rừng, thổ nhưỡng, khả năng nguồn nước tưới tự chảy và điểm tái định cư đã chọn sao cho cự ly đi lại từ khu dân cư đến khu sản xuất phải thuận lợi, đạt nguyện vọng của dân.

d) Giải pháp về chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng:

Nhà nước hỗ trợ đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng thiết yếu đối với điểm ĐCĐC tập trung, bao gồm: bồi thường, giải phóng mặt bằng để tạo quỹ đất ở, đất sản xuất; san gạt đất ở (tạo nền nhà); khai hoang tạo quỹ đất sản xuất; đường giao thông; điện sinh hoạt; thủy lợi nhỏ; hệ thống nước sinh hoạt tập trung; xây dựng lớp học, nhà mẫu giáo, trang bị bàn ghế học tập, điện, nước sinh hoạt, phòng ở giáo viên; nhà sinh hoạt cộng đồng thôn, bản; một số công trình thiết yếu khác theo nhu cầu thực tế. Đối với điểm ĐCĐC xen ghép: khoản kinh phí hỗ trợ cho ngân sách xã tiếp nhận các hộ du canh, du cư đến ĐCĐC xen ghép (với mức 20 triệu đồng/hộ) để bồi thường đất ở, đất sản xuất cho hộ dân sở tại bị thu hồi đất giao cho hộ ĐCĐC theo quy định hiện hành, phần kinh phí còn lại đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng thiết yếu của xã. Trên cơ sở đó, căn cứ điều kiện và nhu cầu thực tế ở mỗi điểm ĐCĐC, xác định rõ nội dung đầu tư: lựa chọn loại công trình, quy mô công trình cần thiết phải đầu tư trong số các công trình trên; trước hết ưu tiên đầu tư xây dựng ở các điểm ĐCĐC có quy mô số hộ lớn, đồng thời kết hợp các hệ thống cơ sở hạ tầng hiện có và các quy hoạch ngành đã được phê duyệt của địa phương để khai thác sử dụng và đầu tư một cách hợp lý, có hiệu quả. Tuy nhiên, các tiêu chuẩn xây dựng những công trình hạ tầng trên đây phải tuân thủ theo đúng các quy định hiện hành.

- ***Về giao thông:*** cần tập trung nguồn vốn để mở mới, nâng cấp các tuyến đường giao thông tới điểm ĐCĐC là đường loại B giao thông nông thôn, đây là hạ tầng rất quan trọng góp phần hình thành được khu tái định cư đạt hiệu quả. Do vậy, trên cơ sở điểm ĐCĐC đã được xác định để tổ chức đường giao thông đến khu tái định cư theo hướng thuận lợi nhất về chiều dài, độ dốc và liên hệ thuận lợi với các tuyến giao thông chính trong khu vực. Bên cạnh đó, việc bố trí xây dựng hệ thống đường dân sinh nội vùng (đảm bảo xe máy đi được) tại điểm ĐCĐC phải dựa vào địa hình và mặt bằng điểm dân cư (điểm xây dựng làng) cho phù hợp với bố trí đất xây dựng nhà ở, công trình công cộng và giải quyết hướng thoát nước ở khu tái định cư, đảm bảo thuận lợi cho việc đi lại, vận chuyển hàng hoá của nhân dân.

- ***Về điện sinh hoạt:*** đối với công trình điện sinh hoạt tới điểm ĐCĐC được xây dựng theo các tuyến giao thông; cần đầu tư chủ yếu về trạm hạ thế và đường dây điện tại các điểm tái định cư chưa có hệ thống điện đi qua, đối với một số vùng đã có trạm biến áp cần kéo đường dây từ trạm hạ thế đến khu dân cư để đảm bảo được điện sinh hoạt cho người dân.

- ***Về thủy lợi nhỏ:*** dựa vào đặc điểm địa hình, địa chất, lưu vực, lượng nước đến và mức độ yêu cầu tưới của từng công trình trong khu ĐCĐC mà bố trí xây dựng hợp lý cho từng công trình thủy lợi nhỏ phục vụ sản xuất.

- **Về nước sinh hoạt:** căn cứ điều kiện và nhu cầu thực tế tại mỗi điểm ĐCĐC mà có mức đầu tư xây dựng hệ thống nước sinh hoạt tập trung một cách có hiệu quả, phải đảm bảo được các yêu cầu về nước sinh hoạt.

- **Về công trình phúc lợi cộng đồng:** nhằm nâng cao điều kiện giáo dục, trình độ dân trí, đảm bảo nhu cầu phục vụ văn hoá truyền thống và thông tin liên lạc, tuyên truyền chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước cho cộng đồng dân cư cần tiến hành đầu tư xây dựng lớp học, nhà mẫu giáo, trang bị bàn ghế học tập, điện, nước sinh hoạt, phòng ở giáo viên; nhà sinh hoạt cộng đồng thôn, bản và một số công trình thiết yếu khác theo nhu cầu thực tế.

e) Giải pháp về chính sách phát triển sản xuất:

Tiến hành nâng cao năng lực cán bộ khuyến nông, tăng cường mạng lưới khuyến nông viên cơ sở (khuyến nông viên thôn, bản). Trước mắt hỗ trợ 01 cán bộ khuyến nông về điểm ĐCĐC tập trung, cần thống nhất nhận thức công tác khuyến nông tại các điểm ĐCĐC, đổi mới nội dung và phương pháp tập huấn cho nông dân, đòi hỏi phải cụ thể và tỉ mỉ, kiên trì từng bước.

Ưu tiên cho các hộ sau khi về nơi ở mới được vay vốn của Ngân hàng chính sách xã hội theo QĐ số 32/2007/QĐ-TTg và phải huy động, lồng ghép nguồn vốn của các Chương trình, Chính sách, Dự án khác trên địa bàn nhằm hỗ trợ cho các hộ đầu tư phát triển sản xuất và ngành nghề nông thôn. Trong đó, ưu tiên hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, dụng cụ lao động phục vụ sản xuất cả về hỗ trợ đời sống nhằm khắc phục từng bước đưa các hộ giảm bớt khó khăn nâng cao đời sống, để sớm hoà nhập vào sự phát triển chung trên vùng.

g) Giải pháp về vốn:

Huy động các nguồn vốn để thực hiện Đề án, bao gồm: vốn Trung ương, vốn địa phương, lồng ghép vốn của các Chương trình, Chính sách, Dự án khác trên địa bàn; vốn đóng góp tự nguyện của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân và vốn trong dân đóng góp.

h) Giải pháp tuyên truyền, vận động nhân dân:

Tuyên truyền, vận động, phổ biến sâu rộng trong quá trình đưa Chính sách vào vùng đồng bào trên các phương tiện thông tin đại chúng với các nội dung, hình thức phong phú và đa dạng, phù hợp với tâm lý tập quán của các dân tộc thiểu số trên vùng nhằm nâng cao nhận thức và xây dựng ý chí quyết tâm tự lực vươn lên của mỗi người dân và của cộng đồng cùng với sự hỗ trợ của Nhà nước để các hộ thực hiện ĐCĐC vươn lên thoát nghèo, sớm hoà nhập với sự phát triển chung của cộng đồng trên vùng; cụ thể giúp người dân hiểu được:

- Chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số nhằm tạo điều kiện cho hộ đồng bào còn du canh, du cư có nơi ở ổn định, có đủ điều kiện phát triển sản xuất, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, xoá đói, giảm nghèo; góp phần bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường sinh thái và giữ vững an ninh - chính trị, trật tự - an toàn xã hội trên vùng.

- Chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số thể hiện sự quan tâm sâu sắc của Đảng và Nhà nước đối với cuộc sống của nhân dân, qua đó cũng thể hiện sự cấp thiết trong công tác di dân thực hiện định canh, định cư cho đồng bào trong điều kiện hiện nay.

- Nhằm bắt đầy đủ nội dung của Khung chính sách hỗ trợ thực hiện định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn để người dân nhận thấy các điều kiện và quyền lợi của mình yên tâm chuyển đến nơi ở mới.

IV- PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM:

1. Ban Dân tộc:

- Tham mưu giúp UBND tỉnh trong quản lý nhà nước về công tác định canh, định cư và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về toàn bộ quá trình tổ chức thực hiện Chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ; hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi, đánh giá việc thực hiện Quyết định số 33/TTg ở các huyện và thực hiện chế độ thông tin báo cáo theo quy định hiện hành.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp & Phát triển nông thôn và các Sở, ngành liên quan để tham mưu cho UBND tỉnh:

+ Quy định cụ thể việc thực hiện thẩm định và quyết định phê duyệt đầu tư các Dự án; Quy định cụ thể mức hỗ trợ, cách thức quản lý, tổ chức thực hiện vốn ngân sách Nhà nước hỗ trợ cho ngân sách xã tiếp nhận các hộ di canh, di cư đến ĐCĐC xen ghép (với mức 20 triệu đồng/hộ) để bồi thường đất ở, đất sản xuất cho hộ dân sở tại bị thu hồi đất giao cho hộ định canh, định cư, phần kinh phí còn lại để đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng thiết yếu của xã; Quy định nhiệm vụ cụ thể của từng cán bộ phát triển cộng đồng (cán bộ Y tế và cán bộ Khuyến nông) tại các điểm định canh định cư tập trung.

+ Hướng dẫn các huyện xây dựng Kế hoạch và các Dự án định canh, định cư trên địa bàn, tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch hằng năm.

- Tổng hợp, xây dựng Kế hoạch dự toán ngân sách Nhà nước thực hiện chính sách ĐCĐC trên địa bàn tỉnh, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để báo cáo UBND tỉnh.

- Phối hợp với Sở Nội vụ hướng dẫn các huyện thành lập Ban quản lý Dự án Định canh, định cư cấp huyện.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

Tham mưu giúp UBND tỉnh có nhiệm vụ hướng dẫn quy trình khai hoang tạo quỹ đất sản xuất, xây dựng công trình thủy lợi nhỏ phục vụ sản xuất, xây dựng hệ thống nước sinh hoạt.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường:

Hướng dẫn các thủ tục giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sản xuất và đất ở cho dân.

4. Sở Xây dựng:

Chủ trì, phối hợp với Ban dân tộc tỉnh và UBND các huyện có hộ đồng bào dân tộc thiểu số thụ hưởng chính sách theo QĐ số 33/TTg để ban hành các thiết kế mẫu, dự toán xây dựng nhà ở theo hướng ngân sách Nhà nước hỗ trợ tạo khung nhà, còn lại huy động vốn khác, ngày công, vật liệu của từng hộ dân xây dựng hoàn chỉnh nhà ở, và một số công trình phúc lợi công cộng có sự lựa chọn phù hợp với phong tục, tập quán sinh hoạt của từng dân tộc và tình hình thực tế của mỗi địa phương.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Tham mưu đề xuất với UBND tỉnh ban hành các quy định về huy động, lồng ghép các nguồn vốn; hướng dẫn cơ chế lồng ghép nguồn vốn của các Chương trình, Chính sách, Dự án và tham mưu trình UBND tỉnh cân đối nguồn vốn lồng ghép trên địa bàn để thực hiện Đề án.

6. Sở Tài chính:

Hướng dẫn công tác lập dự toán, quản lý, cấp phát, thanh toán nguồn vốn ngân sách Nhà nước thực hiện Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ theo Thông tư hướng dẫn số 99/2007/TT-BTC ngày 10/8/2007 của Bộ Tài chính; tham mưu trình UBND tỉnh bố trí nguồn vốn ngân sách tỉnh, nguồn vốn của các Chương trình, Chính sách, Dự án và các nguồn vốn huy động khác (nếu có) để đảm bảo thực hiện Đề án.

7. Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Quảng Ngãi:

Tổ chức tuyên truyền việc triển khai thực hiện một số chính sách của Đảng và Nhà nước về hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định số 33/TTg trên địa bàn tỉnh, kịp thời đưa tin những cá nhân và tổ chức tham gia thực hiện tốt Chính sách này ở từng địa phương trên các phương tiện thông tin đại chúng.

8. UBND huyện có hộ đồng bào dân tộc thiểu số thụ hưởng chính sách theo Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg:

UBND huyện chịu trách nhiệm trực tiếp và toàn diện trong việc chỉ đạo, tổ chức thực hiện chính sách theo Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Xây dựng Kế hoạch và các Dự án ĐCĐC trên địa bàn, triển khai thực hiện nhiệm vụ theo Kế hoạch hàng năm.

- Hàng năm căn cứ chỉ tiêu, kế hoạch phân bổ của Trung ương, UBND tỉnh phân bổ kinh phí; UBND huyện chịu trách nhiệm chỉ đạo Ban quản lý Dự án ĐCĐC của huyện phối hợp với các cơ quan có chức năng giúp UBND huyện quản lý điều hành Dự án trên địa bàn với nhiệm vụ và quyền hạn của Ban quản lý Dự án theo quy định hiện hành.

- Tổ chức tuyên truyền sâu rộng, công bố công khai các khoản hỗ trợ trong chính sách và các giải pháp tổ chức thực hiện về hỗ trợ một số chính sách theo Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg để nhân dân, các cấp Đảng, Chính quyền, Đoàn thể trong vùng tham gia.

- Tổ chức sơ kết, tổng kết, báo cáo kịp thời theo định kỳ hoặc đột xuất cho Ban Dân tộc và UBND tỉnh.

9. UBND xã, thị trấn:

UBND các xã, thị trấn tổ chức thực hiện vốn ngân sách Nhà nước hỗ trợ cho ngân sách xã tiếp nhận các hộ du canh, du cư đến định canh, định cư xen ghép và các nguồn vốn khác đúng theo quy định và hướng dẫn của cấp có thẩm quyền; phối hợp các vấn đề có liên quan trong công tác tổ chức, triển khai thực hiện hình thức định canh định cư tập trung trên địa bàn xã.

Tổ chức tuyên truyền sâu rộng các chính sách hỗ trợ trong nhân dân. Bình xét và phân loại hộ có nhu cầu hỗ trợ đất sản xuất, đất ở phải đảm bảo công khai, dân chủ thông qua các tổ chức đoàn thể, vận động các hộ thực hiện định canh, định cư và cộng đồng dân cư nêu cao ý thức trách nhiệm, đoàn kết giúp đỡ nhau, góp phần thực hiện tốt Chính sách của Đảng và Nhà nước./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Xuân Huế